

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 6 – 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo; Trần Thị Hồng Nhạn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 29/6/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H – Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Mai Thị B – Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa:

Có mặt anh H.

Vắng mặt chị B (Chị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018, bản tự khai ngày 7/5/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày: Anh kết hôn với chị Mai Thị B vào ngày 24/8/1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, tính cách không hợp nhau. Thời gian vợ chồng ở với nhau đã nhiều lần xảy ra va chạm, cãi vã. Anh chị chính thức sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay, vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị B không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh xác định giữa anh và chị B có hai con chung là Bùi Thị Thu T, sinh ngày 26/9/1999 và Bùi Bách T, sinh ngày 30/3/2002 hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh, cháu Thu T đã đủ tuổi trưởng thành nhưng vẫn chưa có gia đình riêng, vẫn do anh nuôi dưỡng. Sau ly hôn, anh H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh H xác định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Mai Thị B có bản tự khai đề ngày 25/5/2018 trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai người con, sau đó vì cuộc sống khó khăn, do điều kiện kinh tế dẫn đến đời sống chung vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tuy đã cố gắng để giữ gìn nhưng không có kết quả. Chị cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên chị đồng ý. Đề nghị Tòa án huyện Ý Yên giải quyết cho chị và anh H ly hôn.

Về con chung: Chị cũng xác định có hai con chung tên là Bùi Thị Thu T, sinh ngày 26/9/1999 và Bùi Bách T, sinh ngày 30/3/2002. Sau ly hôn chị đồng ý để anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành tự lập, về cấp dưỡng nuôi con thì giữa chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị B xác định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên do điều kiện không thể trực tiếp về Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định để tham gia tố

tụng nên chị B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Bùi Văn H vẫn giữ nguyên quan điểm.

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt của chị Mai Thị B. Vì chị B có đề nghị giải quyết vắng mặt nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn anh Bùi Văn H thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn chị Mai Thị B có nơi cư trú tại Thôn M, xã L, huyện Y, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Mai Thị B chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/8/1999 tại Ủy ban nhân dân xã L huyện Y tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian sống hạnh phúc và sinh được hai con, tuy nhiên quá trình chung sống sau này đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Trên thực tế anh H và chị B đã sống ly thân nhau từ năm 2012, hôn nhân giữa anh chị đã chấm dứt từ lâu. Xét thấy tình cảm của anh H dành cho chị B không còn,

mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai người không đạt được, mặt khác chị B cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên xử cho anh H được ly hôn với chị B theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị B xác định anh chị có hai con chung tên là Bùi Thị Thu T, sinh ngày 26/9/1999 và Bùi Bách T, sinh ngày 30/3/2002. Khi ly hôn anh H, chị B thống nhất giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, vì vậy Hội đồng xét xử thấy cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh H, chị B theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh H, chị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Mai Thị B.
2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cả hai con chung là Bùi Thị Thu T, sinh ngày 26/9/1999 và Bùi Bách T, sinh ngày 30/3/2002 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận đề nghị của Anh H không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Không ai được cản trở quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh H, chị B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Anh Bùi Văn H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000805, ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Anh H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Anh Bùi Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị Mai Thị B vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã L: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Minh Tâm